

**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN
KHOÁNG SẢN HAMICO**

**Tổ 6, Phường Quang Trung, TP Phú Lý,
Tỉnh Hà Nam**

MẪU CBTT – 02

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày
18/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về
việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

Hà Nam, Ngày 20 tháng 04 năm 2010

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÀ NAM
NĂM 2009**

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng:

- Tổng công ty cổ phần khoáng sản Hà Nam tiền thân là một doanh nghiệp nhà nước được thành lập từ tháng 10 năm 1967.

- Chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo quyết định số 0603000007 ngày 13 tháng 09 năm 2000. Vốn điều lệ : 600 triệu đồng.

- Tăng vốn ĐL lên 5 tỷ đồng, đăng kí lại lần đầu vào ngày 27 tháng 07 năm 2004.

- Tăng Vốn điều lệ lên 25 tỷ đồng theo Giấy CNĐKKD số 0603000007 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp.

- Năm 2007 công ty cổ phần khoáng sản Hà Nam đã tiến hành sát nhập với 2 công ty:

+ Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và khoáng sản Hà Nam, đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và đầu tư Hà Nam cấp ngày 19 tháng 10 năm 2004.

+ Công ty Cổ phần Bao bì Phú Mỹ, Giấy CNĐKKD số 0603000217

Trở thành Tổng công ty Cổ Phần Khoáng Sản Hà Nam theo Giấy CNĐKKD số 0603000007 ngày 22 tháng 11 năm 2007, Vốn Điều lệ của Tổng Công ty Cổ phần khoáng sản Hà Nam là **116.900.000.000 đồng** (Một trăm mười sáu tỷ, chín trăm triệu đồng).

- Tháng 2 năm 2008 công ty đăng ký niêm yết giao dịch trên thị trường chứng khoán và chính thức giao dịch từ ngày 12/11/2008.

- Tháng 09 năm 2009 tổng công ty chuyển đổi thành công ty cổ phần tập đoàn khoáng sản Hamico

2. Quá trình phát triển

Trong giai đoạn từ khi thành lập công ty đã tiến hành kinh doanh các ngành nghề sau:

Hoạt động thăm dò địa chất, khoáng sản, khai thác chế biến khoáng sản, khai thác cát, đá, sỏi, đất sét; chế biến đá; khai thác hóa chất và khoáng phân bón, bán buôn kim loại và quặng kim loại. Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất nhà nước cấm), sản xuất vật liệu xây dựng từ đất, đất sét, sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác, hàng nội thất công trình. Trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp, mua bán thực phẩm nông sản. Kinh doanh bất động sản (kinh doanh nhà, đất đại lý mua bán ký gửi hàng hóa. Dịch vụ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa.

Xây dựng: Dân dụng, Giao thông đường bộ, Thủy lợi, công nghiệp, đường dây và trạm biến áp điện cơ, điện áp từ 35 KV trở xuống. Sản xuất, lắp ráp, mua bán: máy điều hòa nhiệt độ, thiết bị nội thất gia đình. Đầu tư xây dựng khu công viên văn hóa bao gồm có đủ các hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí; Kinh doanh dịch vụ ăn uống; Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng; bốc xếp hàng hóa, kinh doanh du lịch.

Sản xuất kinh doanh và in mác, nhãn vở bao, bao bì đóng gói. Sản xuất, chế biến, kinh doanh mua bán các loại khoáng chất, khoáng sản phục vụ cho các ngành: công nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, làm phân bón phục vụ nông nghiệp; Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại và các hoạt động sản xuất, dịch vụ cho ngành luyện kim và chế tạo kim loại; Sản xuất máy móc thiết bị thông thường phục vụ dân sinh. Sản xuất xi măng (P30-P50) các loại; Sản xuất các sản phẩm từ bê tông: sản xuất bê tông đúc sẵn, ống, cột.

Tổng Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và điều lệ công ty phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của công ty.

3. Định hướng phát triển:

Tập thể lãnh đạo và các tổ chức Đảng, đoàn thể luôn luôn đoàn kết nhất trí vì mục tiêu chung của TCT, tập trung nguồn lực triển khai các nhiệm vụ được giao. Xây dựng và phát triển Tổng công ty vững mạnh theo hướng chuyên môn hóa cao để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu đề ra.

Mở rộng mạng lưới kinh doanh với hình thức : vừa phát huy nội lực sẵn có vừa liên kết liên doanh với các đối tác để mở rộng thị trường trong nước và đặc biệt là thị trường xuất khẩu.

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu và đầu tư chế biến sâu sản phẩm đặc biệt là sản phẩm của ngành khoáng sản nhất là các loại sản phẩm có thể thay thế sản phẩm nhập ngoại, sản phẩm có giá trị cao.

Tiếp tục thúc đẩy tiến độ các dự án đầu tư đang thực hiện dở, tập trung giải quyết dứt điểm những khó khăn cản trở để sớm đưa dự án vào triển khai.

Nhanh chóng xúc tiến tham gia sâu hơn nữa, rộng hơn nữa vào thị trường tài chính nói chung, thị trường chứng khoán nói riêng, tạo điều kiện phát huy nhanh mạnh thương hiệu tập đoàn, vốn cho các dự án và mối quan hệ liên doanh liên kết với các đơn vị bạn.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị Tổng công ty

1. Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2009

Năm 2009, Tổng công ty khoáng sản Hà Nam có nhiều cố gắng trong việc hoàn thành kế hoạch SXKD đã trình bày tại ĐHCĐ năm 2008, song do ảnh hưởng nhiều yếu tố khách quan đặc biệt là cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới đã dẫn đến những khó khăn cho công ty trong năm tài chính vừa qua (như trong phần báo cáo của Tổng giám đốc đã trình bày).

Với vai trò là cơ quan quản lý công ty giữa 2 kỳ ĐHCĐ, HĐQT đánh giá những kết quả đáng chú ý của CT như sau:

- Tổng doanh thu hoạt động kinh doanh: **75,208,548,266 tỷ đạt 91% KH**
- Tổng lợi nhuận trước thuế: **23,930,089,467 tỷ đạt 132,3 % KH**
- Hoạt động sản xuất: Đã hoàn thiện về cơ bản quy mô đầu tư của công ty như:

+ Hoàn thiện đầu tư các dây chuyền công nghệ tuyển và chế biến khoáng sản một số loại khoáng sản cao cấp để phục vụ trong nước và xuất khẩu như : Dây chuyền sản xuất Thạch Anh cao cấp ; dây chuyền đá soa ; dây chuyền đá sê ; dây chuyền chế biến nephênyl- syinit ;

+ Hoàn thiện dây chuyền II nhà máy gạch tuynen Hamico I,

+ Hoàn thiện đồng bộ dây chuyền làm chỉ dù từ hạt PP và dây chuyền dệt manh, may vỏ bao.

-Mở rộng một cách có quy mô thị trường kinh doanh trong nước và bước đầu đưa sản phẩm của công ty ra xuất khẩu ; Duy trì và phát triển văn phòng đại diện phía tại Hà Nội và thành phố HCM - góp phần thuận lợi cho việc kinh doanh và tiếp thị sản phẩm.

- Cấu trúc, chuyên đổi và nhân sự lại bộ máy lãnh đạo từ tổng công ty thành công ty cổ phần tập đoàn tạo điều kiện thuận lợi cho việc liên doanh – liên kết và phát triển đa dạng hoá ngành nghề, sản phẩm .

- Triển khai các dự án cũ , mở mang thêm dự án mới. Từng bước thâm tòm và đưa vào hoạt động công ty chứng khoán - tạo điều kiện cho tập đoàn có thể tham gia thị trường tài chính nói chung và thị trường vốn nói riêng

- Chuẩn hoá các hoạt động của công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp , luật chứng khoán và các công ty niêm yết .
- Chăm lo đời sống CBCNV , quyền lợi các nhà đầu tư và tham gia đầy đủ các an sinh xã hội trong cộng đồng.

2. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

2.1. Triển vọng

Do Việt Nam đã chính thức hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới với việc gia nhập WTO vì vậy mở rộng một cách có quy mô thị trường kinh doanh trong nước đồng thời với việc giới thiệu các sản phẩm của công ty ra thị trường nước ngoài. Củng cố mạng lưới tiêu thụ, xây dựng các đối tác chiến lược, mở rộng các văn phòng đại diện góp phần thuận lợi cho việc kinh doanh.

2.2. Kế hoạch trong tương lai

Tập trung triển khai các dự án đã được phê duyệt. Lên tiến độ cụ thể cho từng dự án và theo dõi sát sao tiến độ. Kiện toàn bộ máy tổ chức các Ban quản lý dự án. Đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ cán bộ tham gia quản lý dự án theo kế hoạch đáp ứng nhiệm vụ được giao.

III. Báo cáo của Ban giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính – tín dụng – kế toán

1.1 Tình hình tài chính

- Đảm bảo nguồn vốn đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh, đầu tư của công ty để cho hoạt động ngân hàng vừa lành mạnh vừa thuận lợi
- Tổ chức tốt hoạt động kế toán theo chuẩn mực quy định, phản ánh đầy đủ, trung thực và đáp ứng yêu cầu các hoạt động kinh doanh của Tổng công ty: Ban hành quy trình kiểm kê, luân chuyển chứng từ, hạch toán kế toán hàng tháng , quý , năm đúng niên độ
- Thực hiện đầy đủ yêu cầu kiểm toán quý, soát xét sơ bộ 6 tháng đầu năm và kiểm toán cuối năm của đơn vị kiểm toán đã được đại hội cổ đông chấp thuận giao cho HĐQT và ban lãnh đạo lựa chọn.

1.2 Kết quả SX-KD năm 2009

Bảng 1

S TT	CHỈ TIÊU	KẾTQUẢ 2008 (Triệu đồng)	KẾT QUẢ 2009 (Triệu đồng)	TĂNG TRƯỞNG
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	45,947,555,761	75,208,548,266	160 %
2	Giá vốn bán hàng	21,073,509,655	46,610,255,622	101,5%
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24,874,076,106	28,598,292,644	115 %
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	13,416,899,147	20,329,082,026	151 %
5	Lợi nhuận khác	284,821,586	3,601,007,441	1260 %
6	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13,701,720,733	23,930,089,467	174 %
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1,724,691,499	3,001,873,285	176 %
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	0	0	
9	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11,977,029,234	20,928,252,182	175 %
10	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,025	1,790	175 %

Bảng 2

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2009	TH 2009	% TH/KH
I	CÁC CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG				
1	Sản lượng Sản xuất				
1.1	Chế biến khoáng sản	Tấn	90.000	92.000	102 %
1.2	Vật liệu xây dựng (Gạch tuynen quy Tiêu chuẩn)	viên	50.000.000	55.000	110 %
1.3	Ngành bao bì	Tấn	200	150	75 %
2	Sản lượng kinh doanh				
2.1	Chế biến khoáng sản	Tấn	85.000	80.000	95 %
2.2	Vật liệu xây dựng (Gạch tuynen)	viên	52.000.000	52.000.000	100 %
2.3	Ngành bao bì	Tấn	180	130	75%
II	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH				
1	Tổng doanh thu	đồng	83,000,000,000	75,208,548,266	91 %
2	Lợi nhuận thực hiện trước thuế thu nhập	đồng	18.000.000.000	23,930,089,467	132,3 %
3	Lợi nhuận sau thuế	đồng	15.000.000.000	20,928,252,182	139 %
4	Tỷ suất lợi nhuận / vốn Điều lệ	%	18 %	20,47 %	113,8 %
5	Nộp NSNN	đồng	6.500.000.000	8.200.000.000	125 %
6	Chia cổ tức (dự kiến)	đồng	10%	15%	150%
7	Tổng vốn ĐTXDCB& mua sắm thiết bị				

1.3. Số cổ phiếu đang lưu hành:

- Tổng số cổ phiếu của công ty: 11.690.000 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 11.690.000 cổ phiếu

Trong đó:

- + Cổ phiếu phổ thông: 11.690.000 cổ phiếu
- + Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu

2- Kế hoạch SXKD năm 2010

2.1 Kế hoạch

• Kế hoạch sản xuất :

- Chế biến khoáng sản : 100.000 tấn.
- Vật liệu xây dựng (gạch tuynen): 60.000.000 viên.
- Các loại ngành nghề khác

• Kế hoạch kinh doanh

- Chế biến khoáng sản : 90.000 tấn.
- Vật liệu xây dựng (gạch tuynen) : 58.000.000 viên
- Kinh doanh các lĩnh vực khác

• Kế hoạch Tài chính

- Vốn điều lệ : 116,9 tỷ đồng
- Tổng doanh thu : 100 tỷ
- Nộp NSNN : 10,5 tỷ tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 30 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 25 tỷ đồng
- Tỷ suất LN sau thuế/VĐL : 21,4%
- Chia cổ tức : 20 %

2.2. Các giải pháp thực hiện kế hoạch 2010

- Căn cứ vào kế hoạch tổng thể đã được xây dựng giao cho các đơn vị xây dựng và đưa ra phương án thực hiện . Nếu có phát sinh vấn đề Ban lãnh đạo trực tiếp họp bàn với đơn vị để tháo gỡ
- Triển khai học tập và phổ biến bộ định mức kinh tế kỹ thuật đến các đơn vị . Yêu cầu các đơn vị trên cơ sở đó định mức chi tiết đến từng công đoạn , từng người lao động .
- Đôn đốc, chỉ đạo sát sao việc triển khai kế hoạch kinh doanh cho hai văn phòng đại diện tại Hà Nội, thành phố HCM và các đối tác chiến lược . Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển hệ thống mạng lưới tiêu thụ . Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát bộ phận kinh doanh thực

hiện chính sách, quy chế, quy trình đảm bảo kinh doanh hiệu quả và đúng pháp luật.

- Đào tạo và thu hút nguồn nhân lực nhằm cải thiện và tăng tính chủ động, tạo một đội ngũ CBCNV có năng lực quản lý và sáng tạo trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh thích ứng với tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.
- Tập trung triển khai các dự án đã được phê duyệt. Lên tiến độ cụ thể cho từng dự án và theo dõi sát sao tiến độ. Kiện toàn bộ máy tổ chức các Ban quản lý dự án. Đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ cán bộ tham gia quản lý dự án theo kế hoạch đáp ứng nhiệm vụ được giao.

IV. Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN HAMICO

Địa chỉ: Tổ 14, Phường Quang Trung, Tp Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam
Điện thoại: 0351 - 3.851.035 Fax: 0351 - 3.855.296

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2009

TÀI SẢN	Mã số	TK	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100			66,219,714,054	53,863,774,573
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110			2,542,502,013	2,168,657,473
1. Tiền	111	111	V.1	2,542,502,013	2,168,657,473
II. Các khoản đầu t tài chính ngắn hạn	120			0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130			47,051,555,122	34,735,048,424
1. Phải thu khách hàng	131	131N		46,497,887,722	16,538,185,277
2. Trả trước cho người bán	132	331NDN		934,938,150	18,500,689,252
5. Các khoản phải thu khác	135	138	V.3	474,702,553	472,405,193
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	139N		(855,973,303)	(776,231,298)
IV. Hàng tồn kho	140			16,606,870,703	8,232,094,040
1. Hàng tồn kho	141		V.4	16,606,870,703	8,232,094,040
V. Tài sản ngắn hạn khác	150			18,786,216	8,727,974,636
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	133N	V05	18,786,216	0
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	141T		0	8,727,974,636
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200			140,235,486,108	124,174,591,230
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			0	0
II. Tài sản cố định	220			129,185,122,569	105,587,430,100
1. Tài sản cố định hữu hình	221		V.8	118,462,438,796	92,192,791,109
<i>Nguyên giá</i>	222	211		134,467,179,500	103,034,475,557
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223	2141		(16,004,740,704)	(10,841,684,448)
3. Tài sản cố định vô hình	227		V.10	38,400,000	43,200,000
- <i>Nguyên giá</i>	228	213		48,000,000	48,000,000
- <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229	2143		(9,600,000)	(4,800,000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	241	V11	10,684,283,773	13,351,438,991
III. Bất động sản đầu t	240			0	0
IV. Các khoản đầu t tài chính dài hạn	250			9,370,000,000	17,270,000,000
2. Đầu t vào công ty liên kết, liên doanh	252	223		0	17,270,000,000

3. Đầu t dài hạn khác	258	228	V.13	9,370,000,000	0
V. Tài sản dài hạn khác	260			1,680,363,539	1,317,161,130
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	242	V.14	1,680,363,539	1,317,161,130
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270			206,455,200,162	178,038,365,803

0 0 0 0

NGUỒN VỐN	Mã số	TK	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300			67,871,930,803	48,693,348,626
I. Nợ ngắn hạn	310			62,871,930,803	28,693,348,626
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	311	V.15	52,492,224,970	22,292,155,671
2. Phải trả người bán	312	331N		6,851,549,038	3,328,641,648
3. Người mua trả tiền trước	313	131NDN		0	1,279,945,232
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	333	V.16	2,932,539,555	1,301,191,272
5. Phải trả người lao động	315	334		540,976,309	449,940,539
6. Chi phí phải trả	316	335	V17	25,666,667	0
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323			28,974,264	41,474,264
II. Nợ dài hạn	330			5,000,000,000	20,000,000,000
4. Vay và nợ dài hạn	334	341	V.20	5,000,000,000	20,000,000,000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400			138,583,269,359	129,345,017,177
I. Vốn chủ sở hữu	410		V.22	138,583,269,359	129,345,017,177
1. Vốn đầu t của chủ sở hữu	411	4,111		116,900,000,000	116,900,000,000
10. Lợi nhuận cha phân phối	420	421		21,683,269,359	12,445,017,177
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440			206,455,200,162	178,038,365,803

0 0

Hà Nam, ngày 15 tháng 02 năm 2010

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Lâm Thu Trang

Đặng Thị Thu Phương

Nguyễn Tiến Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN HAMICO

Địa chỉ: Tổ 14, Phường Quang Trung, Tp Phú Lý, Tỉnh Hà Nam
 Điện thoại: 0351 - 3.851.035 Fax: 0351 - 3.855.296

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2009

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	NĂM 2009 BC VND	NĂM 2008 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	75,208,548,266	45,947,555,761
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	0	0
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	75,208,548,266	45,947,555,761
Giá vốn hàng bán	11	VI.28	46,610,255,622	21,073,509,655
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28,598,292,644	24,874,046,106
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	23,577,957	9,515,843
Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.30	1,518,636,764	1,070,931,586
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,518,636,764	1,070,931,586
Chi phí bán hàng	24		3,791,463,999	7,012,260,413
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2,982,687,812	3,383,470,803
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20,329,082,026	13,416,899,147
Thu nhập khác	31		8,037,750,896	9,184,991,539
Chi phí khác	32		4,436,743,455	8,900,169,953
Lợi nhuận khác	40		3,601,007,441	284,821,586
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23,930,089,467	13,701,720,733
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	3,001,837,285	1,724,691,499
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		0	0
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20,928,252,182	11,977,029,234
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)			1,790	1,025

Hà Nam, ngày 15 tháng 02 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Lâm Thu Trang

Đặng Thị Thu Phương

Nguyễn Tiến Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2009

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
I. Lu chuyển từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	51,752,525,401	46,731,545,508
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(46,098,407,391)	(57,135,247,748)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(6,091,192,468)	(4,534,645,203)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1,528,631,220)	(1,920,264,920)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1,300,000,000)	619,789,032
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	19,712,648,125	128,028,000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(17,936,438,549)	(4,815,539,543)
Lu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1,489,496,102)	(20,926,334,874)
II. Lu chuyển tiền từ hoạt động đầu t			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(19,540,306,614)	(22,195,226,293)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TS khác	22	7,000,000,000	2,775,221,000
6. Tiền thu hồi đầu t góp vốn vào đơn vị khác	26	9,900,000,000	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23,577,957	9,515,843
Lu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động đầu t	30	(2,616,728,657)	(19,410,489,450)
III. Lu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	95,890,213,965	52,296,734,291
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(79,720,144,666)	(11,802,078,620)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11,690,000,000)	
Lu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động tài chính	40	4,480,069,299	40,494,655,671
Lu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	373,844,540	157,831,347
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2,168,657,473	2,010,826,126
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền tồn cuối kỳ	70	2,542,502,013	2,168,657,473

Hà Nam, ngày 15 tháng 02 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lâm Thu Trang

Đặng Thị Thu Phương

Nguyễn Tiến Dũng

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

- **Đơn vị kiểm toán:** Công ty TNHH kiểm toán và dịch vụ tin học TP. Hồ Chí Minh (AISC)

Địa chỉ: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

- Ý kiến của kiểm toán độc lập:

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31/12/2009, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng công ty được lập phù hợp với chế độ và chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành và các văn bản pháp lý khác có liên quan.

VI. Tổ chức và nhân sự

1. Cơ cấu tổ chức của công ty gồm:

- Lãnh đạo tổng công ty: 01 Tổng giám đốc, 01 Phó tổng giám đốc
- 05 phòng chức năng nghiệp vụ: Phòng tổ chức hành chính, phòng thương mại và xuất nhập khẩu, Phòng tài chính kế toán, Phòng kế hoạch đầu tư, Phòng công nghệ tuyển khoáng.

2. Tóm tắt lý lịch của các cổ đông trong ban lãnh đạo công ty

a. Lý lịch ông Nguyễn Xuân Mai:

- Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 10/04/1963
- Nơi sinh: Yên Nam, Duy Tiên, Hà Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Đại học kinh tế quốc dân
- Quá trình công tác:

- + Từ năm 1979 -1984 tham gia quân đội
- + Từ năm 1984 – 1989: Phòng tài chính giá cả huyện Duy /tiên
- + Từ 1989 – 1995: Công ty xây dựng và dịch vụ nhà ở
- + Từ 1995 – 1998: Nhà máy xi măng Kiện Khê
- + Từ 1998 – 2000: Xí nghiệp thực phẩm công nghiệp Phủ Lý
- + Từ 2000 đến nay: Công ty cổ phần khoáng sản Hà Nam

b. Lý lịch ông Nguyễn Tiến Dũng :

- Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT kiêm TGD

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh 23/09/1970

- Nơi sinh: Hải Hà, Hải Hậu, Nam Định

- Quốc tịch: Việt Nam

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Trung cấp vật tư

- Quá trình công tác:

+ 1999 – 2000: Xí nghiệp thực phẩm công nghiệp Phủ Lý

+ Từ năm 2000 đến nay: Công ty cổ phần khoáng sản Hà Nam

c. Lý lịch bà Đặng thị Thu Phương

- Chức vụ hiện tại: Ủy viên hội đồng quản trị - Phó tổng giám đốc kiêm giám đốc tài chính

- Giới tính: nữ - Ngày sinh: 26/05/1977

- Nơi sinh: Yên Nam, Duy Tiên, Hà Nam - Quốc tịch: Việt Nam

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Tài chính kế toán

- Quá trình công tác:

+ Từ năm 95- 99: Nhà máy xi măng Kiện Khê

+ Từ năm 1999- 2000: Xí nghiệp công nghiệp thực phẩm Phủ Lý

+ Từ năm 2000 đến nay : công ty khoáng sản Hà Nam

3. Thay đổi Tổng giám đốc điều hành trong năm:

Tháng 11 năm 2009 HĐQT chấp thuận chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc thôi giữ chức TGD để chuyên trách công việc chủ tịch HĐQT . Đ/c phó TGD được đề bạt lên vị trí TGD – là người đại diện pháp luật của công ty .

4. Số lượng CBCNV và chính sách đối với người lao động:

a. Tổng số CBCNV đến thời điểm 31/12/2009 là: 470 người

b. Chính sách đối với người lao động:

- Giải quyết đầy đủ các chế độ, chính sách, quyền lợi theo quy định của nhà nước cho người lao động như: chuyên đổi hệ số lương, đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội..... luôn luôn kịp thời và đầy đủ.

- Công ty đã xây dựng và ban hành đầy đủ kịp thời các quy chế, quy định liên quan đến việc tuyển dụng lao động, thưởng, lương, buộc thôi việc...

5. Thay đổi thành viên HĐQT , Ban giám đốc, BKS , Kế toán trưởng:

a. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị :

Trong năm kế hoạch có một thành viên HĐQT xin nghỉ vì lý do cá nhân, HĐQT đã tiến hành bổ xung thành viên khác của HĐQT

b. Thay đổi thành viên Ban giám đốc:

- Đ/c TGD nghỉ để chuyên trách nhiệm vụ chủ tịch HĐQT

- Đ/c phó TGD thường trực được đề bạt thay thế

c. Thay đổi thành viên Ban kiểm soát:

Trong năm kế hoạch 01 thành viên BKS nghỉ để nhận nhiệm vụ mới . HĐQT đã thông nhất chờ đại hội cổ đông thường niên bầu bổ xung

d. Thay đổi kế toán trưởng:

VII. Thông tin cổ đông và Quản trị công ty

a. Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị gồm: 05 thành viên. Trong đó có 01 thành viên hoạt động độc lập không điều hành.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của hội đồng quản trị như sau:

STT	Họ Và Tên	Chức vụ	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Nguyễn Xuân Mai	Chủ tịch HĐQT	5.700.000	48.76	
2	Đặng Văn Lành	Ủy viên HĐQT	3.000	0.026	bổ xung
3	Nguyễn Tiến Dũng	Ủy viên HĐQT kiêm TGD	500.000	4.28	
4	Nguyễn Minh Hoàn	Ủy viên HĐQT	50 000	0.43	
5	Đặng Thị Thu Phương	Ủy viên HĐQT – Kế toán trưởng	3000	0.026	

b. Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên. Trong đó có 01 thành viên hoạt động độc lập không điều hành.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Lê Trung Kiên	Trưởng BKS	3000	0.026	
2	Vũ Văn Đồng	Thành viên BKS	700	0.006	
3	Đặng Văn Lành	Thành viên BKS	3000	0.026	Xin nghỉ

c. Mức thù lao cho thành viên HĐQT, thành viên BKS:

Mức thù lao năm 2009 đã chi trả cho thành viên HĐQT, thành viên BKS công ty

- Hội đồng quản trị:

+ Tiền thù lao của thành viên HĐQT kiêm nhiệm gồm 04 người :

$500.000 \text{ đ/ người / tháng} \times 12 \text{ tháng} \times 04 \text{ người} = 24.000.000 \text{ đ}$

+ Thù lao thành viên HĐQT không chuyên trách : gồm 01 người

$1000.0000 \text{ đ/ người / tháng} \times 12 \text{ tháng} \times 01 \text{ người} = 12.000.000 \text{ đ}$

Tổng tiền thù lao cho HĐQT trên năm : 36.000.000 đ

b. Ban kiểm soát:

Thù lao BKS kiêm nhiệm gồm :

- Trưởng BKS (01) : $1000.000 \text{ đ/tháng} \times 12 = 12.000.000 \text{ đ}$

- Thành viên BKS (02) : $500.0000 \text{ đ/ tháng} \times 12 = 12.000.000 \text{ đ}$

Tổng tiền thù lao cho BKS trên năm : 24.000.000 đ

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông:

Tổng số vốn điều lệ của công ty hiện nay là 116.900.000.000 (tương đương 11.690.000 cổ phần). Tỷ lệ sở hữu cổ phần / vốn điều lệ như sau:

a. Cổ đông trong nước:

- Cá nhân: 1691 cổ đông giữ 11308470 cổ phần chiếm 96,7% vốn điều lệ

- Tổ chức : 6 tổ chức giữ 323870 CP chiếm 2,8% vốn điều lệ

b. Cổ đông nước ngoài

- Cá nhân : 12 cổ đông giữ 28250 CP chiếm 0,25 % vốn điều lệ

- Tổ chức : 02 tổ chức giữ 18210 CP chiếm 0,15% vốn điều lệ

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

LÊ TRUNG KIÊN

